

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VL
TỈNH HY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/KDTM - ST

Ngày 01/12/2022

"V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL, TỈNH HY**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Mười.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thấn và bà Hoàng Thị Thu Thủy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện VL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 01/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh HY, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 14/2022/TLST - KDTM ngày 06/7/2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐST- KDTM ngày 07/11/2022 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (viết tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh Tuấn, ông Đỗ Thành Trung, ông Phạm Tuấn Anh, bà Thái Thị Hồng Hoa.

Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT, ngày 07/7/2020.

Người được ủy quyền lại: Ông Vương Văn Thành, ông Đỗ Hùng Vĩ, ông Cù Quang Anh. Ông Anh có mặt.

Văn bản ủy quyền số 773/UQ-VPBank, ngày 07/4/2022.

Bị đơn: Ông Trịnh Văn C, sinh năm 1980, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn NL, xã CĐ, huyện VL, tỉnh HY.

Bà Đinh Thị S, sinh năm 1982, là vợ ông C, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn NL, xã CĐ, huyện VL, tỉnh HY.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1980, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn NL, xã CĐ, huyện VL, tỉnh HY.

Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1980, là vợ ông T, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn NL, xã CĐ, huyện VL, tỉnh HY.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, người được ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng có ký Hợp đồng tín dụng với ông Trịnh Văn C và bà Đinh Thị S số LN1810291028670 ngày 02/11/2018 và phụ lục hợp đồng số LN1810291028670 ngày 24/12/2019, khế ước nhận nợ số LN1810291028670 ngày 24/12/2019, theo Hợp đồng tín dụng và phụ lục, khế ước này, Ngân hàng cho ông C bà S vay 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), thời hạn 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh phê liệu, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11%/năm, biên độ và các kỳ trả nợ được quy định cụ thể tại các khế ước nhận nợ kèm theo. Ngoài ra giữa Ngân hàng với ông C bà S còn ký Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 361-P-5445856 ngày 31/8/2019 với hạn mức tín dụng là 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 116, tờ bản đồ 23, diện tích 253 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 436665, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 00351-505/QĐ-UBND, do Ủy ban nhân dân huyện VL cấp ngày 21/5/2008 phân ghi chú ghi ông C đã tặng cho quyền sử dụng đất ông T ngày 19/10/2018.

Quá trình thực hiện Hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân số tiền cho vay theo đúng quy định, bên vay đã thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi; nhưng sau đó từ ngày 24/12/2020 bên vay vi phạm hợp đồng, do vậy Ngân hàng khởi kiện với các yêu cầu:

Về nợ gốc: Đề nghị Tòa án buộc ông C bà S phải trả nợ Ngân hàng số tiền gốc là 129.949.965 đồng (một trăm hai mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi lăm đồng).

Về nợ lãi: Đề nghị Tòa án buộc ông C bà S phải trả tiền lãi tính đến ngày 01/12/2022 gồm: lãi trong hạn là 2.962.233 đồng (hai triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng); lãi quá hạn là 54.995.161 đồng (năm mươi tư triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi một đồng); tiền lãi phạt là 6.874.770 đồng (sáu triệu, tám trăm bảy mươi tư nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng).

Tổng số tiền yêu cầu thanh toán là 194.782.129 đồng (một trăm chín mươi tư triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, một trăm hai mươi chín đồng). Ông C bà S còn phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng.

Nếu ông C bà S không trả nợ cho Ngân hàng thì sẽ xử lý các tài sản thế chấp để đảm bảo thanh toán toàn bộ khoản nợ. Các tài sản gồm:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 116, tờ bản đồ 23, diện tích 253 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 436665, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 00351-505/QĐ-UBND, do Ủy ban nhân dân huyện VL cấp ngày 21/5/2008 phân ghi chú ghi ông C đã tặng cho quyền sử dụng đất ông T ngày 19/10/2018.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì ông C bà S phải tiếp tục trả nợ.

Đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đặt văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng các đương sự không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Ngày 06/9/2022 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, ông T, bà G có mặt và đề nghị Ngân hàng miễn lãi cho ông C bà S, chỉ thu hồi nợ gốc, Tòa án cũng đã giải thích cho ông T bà G việc ủy quyền tham gia tố tụng. Đương sự nhất trí nhưng sau đó cũng không nộp thủ tục ủy quyền cho Tòa án.

Ngày 25/10/2022 Tòa án tiến hành làm việc, ông C, bà G có mặt, các đương sự xác định đã nhận được thông báo phiên họp, hòa giải nhưng không tham gia, ông C xác định khoản vay sau khi nhận tiền từ Ngân hàng về giữa hai gia đình có thỏa thuận gia đình ông C sử dụng 300.000.000 đồng, gia đình bà G sử dụng 150.000.000 đồng. Gia đình ông C đã trả hết cho Ngân hàng, gia đình bà G đã trả gốc là 20.000.000 đồng. Do gia đình ông C đã trả hết, nên vợ chồng ông không ra Tòa án để giải quyết. Bà G xác định xin trả số gốc là 130.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi, vợ chồng bà không trả được là do ông T không chịu làm ăn, một mình bà lo liệu, kinh tế khó khăn nên chưa trả được Ngân hàng.

Ngân hàng xác định không biết việc thỏa thuận giữa anh em ông C và ông T, đây là việc của hai gia đình, Ngân hàng không đồng ý với quan điểm của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã thông báo phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, nên không hòa giải được phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là Ngân hàng đã chấp hành nghiêm C và thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, không tham gia phiên họp, phiên tòa là chưa chấp hành nghiêm quy định pháp luật.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 288, Điều 295, Điều 299, Điều 317, Điều 318 của Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Trịnh Văn C và bà Đinh Thị S có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng số tiền gốc là 129.949.965 đồng (một trăm hai mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi lăm đồng), số tiền lãi tính đến ngày 01/12/2022 gồm: lãi trong hạn là 2.962.233 đồng (hai triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng); lãi quá hạn là

54.995.161 đồng (năm mươi tư triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi mốt đồng).

Tổng số tiền phải thanh toán là 187.907.359 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm linh bảy nghìn, ba trăm năm mươi chín đồng). Ông C bà S còn phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Các tài sản thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 116, tờ bản đồ 23, diện tích 253 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 436665, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 00351-505/QĐ-UBND, do Ủy ban nhân dân huyện VL cấp ngày 21/5/2008 phân ghi chú ghi ông Trịnh Văn C đã tặng cho quyền sử dụng đất ông Trịnh Văn T ngày 19/10/2018.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì ông C bà S phải tiếp tục trả nợ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu phía bị đơn thanh toán đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi là 6.874.770 đồng (sáu triệu, tám trăm bảy mươi tư nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng).

Nếu số tiền thu hồi từ tài sản đảm bảo chưa đủ nghĩa vụ trả nợ thì bên vay vẫn phải thanh toán toàn bộ khoản vay.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện VL nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngân hàng khởi kiện đối với ông Trịnh Văn C và bà Đinh Thị S về tranh chấp Hợp đồng tín dụng, đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù tại phiên tòa vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Xác định đây là vụ án "Kinh doanh thương mại Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng".

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày, tranh tụng của đương sự, Hội đồng xét xử thấy giữa Ngân hàng có ký Hợp đồng tín dụng với ông Trịnh Văn C và bà Đinh Thị S số LN1810291028670 ngày 02/11/2018 và phụ lục hợp đồng số LN1810291028670 ngày 24/12/2019, khế ước nhận nợ số LN1810291028670 ngày 24/12/2019. Ngoài ra giữa Ngân hàng với ông C bà S

còn ký Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 361-P-5445856 ngày 31/8/2019, với số tiền vay, mục đích, thời hạn, lãi suất như Ngân hàng trình bày trên là sự thật.

Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay đã trả một phần gốc, mặc dù đã quá thời hạn thanh toán, nhưng bên có nghĩa vụ không thực hiện hết nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu phía bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

Về việc ông C trình bày thỏa thuận giữa ông C và ông T, đây là việc của hai gia đình, Ngân hàng không đồng ý với quan điểm của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có căn cứ nào xác định thỏa thuận giữa các bên về việc vay chung hoặc chuyển giao nghĩa vụ, nên Hội đồng xét xử buộc bên vay là ông C bà S có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng.

Xét về yêu cầu lãi suất: Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu số tiền lãi tính đến ngày 01/12/2022 gồm: lãi trong hạn là 2.962.233 đồng (hai triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng); lãi quá hạn là 54.995.161 đồng (năm mươi tư triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi một đồng); tiền lãi phạt là 6.874.770 đồng (sáu triệu, tám trăm bảy mươi tư nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng). Tổng cả gốc và lãi là 194.782.129 đồng (một trăm chín mươi tư triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, một trăm hai mươi chín đồng).

Căn cứ khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự chỉ quy định hai khoản lãi mà bên có nghĩa vụ phải trả là lãi suất trong hạn và lãi suất nợ quá hạn. Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định các bên có quyền thỏa thuận về lãi suất, nhưng phải theo quy định của pháp luật. Ngân hàng cho rằng căn cứ vào thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, do vậy Ngân hàng yêu cầu phía bị đơn về khoản lãi này. Tuy nhiên thỏa thuận về khoản lãi phạt chậm trả lãi là không phù hợp với quy định về lãi suất của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về khoản lãi phạt chậm trả lãi. Đối với lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận như yêu cầu của Ngân hàng. Như vậy số tiền lãi tính đến ngày 01/12/2022 bao gồm lãi trong hạn là lãi trong hạn là 2.962.233 đồng (hai triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng); lãi quá hạn là 54.995.161 đồng (năm mươi tư triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi một đồng). Tổng cả gốc và lãi phía bị đơn có nghĩa vụ thanh toán là 187.907.359 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm linh bảy nghìn, ba trăm năm mươi chín đồng).

Xét về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Việc vay tiền được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 116, tờ bản đồ 23, diện tích 253 m² tại thôn NL, xã CĐ, huyện VL, tỉnh HY, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 436665, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 00351-505/QĐ-UBND, do Ủy ban nhân dân huyện VL cấp ngày 21/5/2008 phần ghi chú ghi ông Trịnh Văn C đã tặng cho quyền sử dụng đất ông Trịnh Văn T ngày 19/10/2018. Hợp đồng thế chấp ký ngày 01/11/2018.

Việc ký kết hợp đồng thế chấp tài sản các bên đều tự nguyện, đúng trình tự pháp luật, hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng và đăng ký theo quy định của pháp

luật, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp nếu bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nếu số tiền thu hồi từ tài sản đảm bảo chưa đủ nghĩa vụ trả nợ thì bên vay vẫn phải thanh toán toàn bộ khoản vay. Nếu số tiền thu từ tài sản thế chấp lớn hơn số tiền phải trả nợ thì phần còn thừa sẽ trả cho bên sở hữu tài sản.

[3] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án lệ phí của Tòa án, sẽ buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 295, Điều 299, Điều 317, Điều 318 của Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

Buộc ông Trịnh Văn C và bà Đinh Thị S có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng số tiền gốc là 129.949.965 đồng (một trăm hai mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi lăm đồng), số tiền lãi tính đến ngày 01/12/2022 gồm: lãi trong hạn là 2.962.233 đồng (hai triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng); lãi quá hạn là 54.995.161 đồng (năm mươi tư triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi một đồng);

Tổng số tiền phải thanh toán là 187.907.359 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm linh bảy nghìn, ba trăm năm mươi chín đồng).

Kể từ ngày 02/12/2022 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu ông Trịnh Văn C và bà Đinh Thị S không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền tự mình hoặc yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi toàn bộ nợ. Các tài sản thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 116, tờ bản đồ 23, diện tích 253 m² tại thôn NL, xã CD, huyện VL, tỉnh HY, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 436665, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 00351-505/QĐ-UBND, do Ủy ban nhân dân huyện VL cấp ngày 21/5/2008 phân ghi

chú ghi ông Trịnh Văn C đã tặng cho quyền sử dụng đất ông Trịnh Văn T ngày 19/10/2018.

Nếu số tiền thu hồi từ tài sản đảm bảo chưa đủ nghĩa vụ trả nợ thì bên vay vẫn phải thanh toán toàn bộ khoản vay. Nếu số tiền thu từ tài sản thế chấp lớn hơn số tiền phải trả nợ thì phần còn thừa sẽ trả cho ông T bà G.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu phía bị đơn thanh toán đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi là 6.874.770 đồng (sáu triệu, tám trăm bảy mươi tư nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng).

Về án phí: Buộc ông Trịnh Văn C và bà Đinh Thị S phải chịu 9.395.000 đồng (chín triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng 5.169.000 đồng (năm triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 11732, ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh HY.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, lên Tòa án nhân dân tỉnh HY, để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân, THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Văn Mười